

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN
THU, CHI NSDP TỈNH SÓC TRĂNG 9 THÁNG NĂM 2019**

*(Kèm theo Công văn số /STC-NS ngày / /2019
của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng)*

I. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn:

Tổng thu ngân sách Nhà nước (NSNN) trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng 9 tháng đầu năm 2019 là 3.230.574 triệu đồng, đạt 107,69% so với dự toán năm và bằng 107,56% so với cùng kỳ năm trước (thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp là 2.985.596 triệu đồng, đạt 109,97% so với dự toán năm và bằng 129,74% so với cùng kỳ năm trước), trong đó:

1. Thu nội địa 3.138.766 triệu đồng, đạt 106,4% so với dự toán năm, bằng 129,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

a) Các khoản thu nội địa đạt tỷ lệ cao trên 75% dự toán năm:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước 139.316 triệu đồng, đạt 81,47% so với dự toán năm và bằng 117,43% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 3.998 triệu đồng, đạt 399,8% so với dự toán năm và bằng 6,23% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh 907.411 triệu đồng, đạt 103,7% so với dự toán năm và bằng 127,68% so với cùng kỳ năm trước.

- Thuế thu nhập cá nhân 260.157 triệu đồng, đạt 88,19% so với dự toán năm và bằng 121,98% so với cùng kỳ năm trước.

- Lệ phí trước bạ 140.133 triệu đồng, đạt 93,42% so với dự toán năm và bằng 131,53% so với cùng kỳ năm trước.

- Các khoản thu về nhà, đất 438.686 triệu đồng, đạt 371,77% so với dự toán năm và bằng 312,52% so với cùng kỳ năm trước. Các khoản thu về nhà, đất đạt cao là do các công ty nộp tiền sử dụng đất và nộp tiền thuê đất của các dự án trên địa bàn tỉnh.

- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết 959.095 triệu đồng, đạt 106,57% so với dự toán năm và bằng 124,73% so với cùng kỳ năm trước.

b) Ngoài ra, còn có 3 khoản thu không đạt tiến độ:

- Thuế bảo vệ môi trường 156.126 triệu đồng, đạt 65,05% so với dự toán năm và bằng 138,71% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu phí, lệ phí 51.593 triệu đồng, đạt 68,79% so với dự toán năm và bằng 114,83% so với cùng kỳ năm trước.

- Các khoản thu khác ngân sách 71.179 triệu đồng, đạt 56,94% so với dự toán năm và bằng 50,86% so với cùng kỳ năm trước.

2. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 91.808 triệu đồng, đạt 183,62% so với dự toán năm và bằng 15,89% so với cùng kỳ năm trước.

(Chi tiết theo Biểu số 60/CK-NSNN đính kèm)

II. Chi ngân sách địa phương:

Tổng chi ngân sách địa phương tỉnh Sóc Trăng 9 tháng đầu năm 2019 là 7.344.696 triệu đồng, đạt 74,36% so với dự toán năm và bằng 107,26% so với cùng kỳ năm trước; trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách địa phương:

a) Chi đầu tư phát triển 1.940.951 triệu đồng, đạt 110,32% so với dự toán năm và bằng 106,6% so với cùng kỳ năm trước. Số chi đầu tư đạt cao là do các chủ đầu tư thanh toán từ nguồn chi chuyển nguồn năm 2018 sang năm 2019 tiếp tục, chi từ nguồn kết dư năm 2018 theo quy định của Luật Đầu tư công.

b) Chi thường xuyên 4.285.534 triệu đồng đạt 71,14% so với dự toán năm và bằng 104,46% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề 2.037.392 triệu đồng, đạt 76,92% so với dự toán năm và bằng 107,79% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi sự nghiệp y tế 821.770 triệu đồng, đạt 116,32% so với dự toán năm và bằng 134,68% so với cùng kỳ năm trước. Chi sự nghiệp y tế đạt cao là do thực hiện mua bảo hiểm y tế cho các đối tượng do ngân sách nhà nước hỗ trợ từ nguồn bổ sung của ngân sách trung ương.

- Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình 16.252 triệu đồng, đạt 96,84% so với dự toán năm và bằng 170,12% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường 73.065 triệu đồng, đạt 78,21% so với dự toán năm và bằng 227,92% so với cùng kỳ năm trước. Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường đạt cao là do chi thực hiện các dự án từ nguồn chi chuyển nguồn năm 2018 sang năm 2019 tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

- Chi sự nghiệp kinh tế 527.387 triệu đồng, đạt 81,88% so với dự toán năm và bằng 103,79% so với cùng kỳ năm trước. Chi sự nghiệp kinh tế đạt cao là do sử dụng dự phòng ngân sách để khắc phục sạt lở khẩn cấp và chi hỗ trợ các hộ dân nuôi heo bị thiệt hại do dịch tả heo Châu Phi.

- Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể 970.833 triệu đồng, đạt 76,22% so với dự toán năm và bằng 124,07% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi bảo đảm xã hội 201.935 triệu đồng, đạt 92,98% so với dự toán năm và bằng 108,4% so với cùng kỳ năm trước. Chi bảo đảm xã hội đạt cao so với dự toán là do thực hiện các chính sách an sinh xã hội từ nguồn bổ sung của ngân sách Trung ương (ngoài dự toán giao đầu năm).

- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ là 6.544 triệu đồng, đạt 23,79% so với dự toán năm và bằng 103,74% so với cùng kỳ năm trước. Chi sự nghiệp khoa học công nghệ nguyên nhân đạt tỷ lệ thấp là do một số đề tài triển khai chậm tiến bộ và do một số đơn vị, địa phương không hạch toán chi sự nghiệp khoa học công nghệ mà hạch toán mục lục ngân sách chi thường xuyên của đơn vị.

- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin 29.792 triệu đồng, đạt 58,89% so với dự toán năm và bằng 101,94% so với cùng kỳ năm trước. Chi sự nghiệp văn hóa đạt thấp là do tỉnh tổ chức các sự kiện văn hóa vào thời điểm cuối năm.

- Chi sự nghiệp thể dục thể thao 11.958 triệu đồng, đạt 65,58% so với dự toán năm và bằng 77,75% so với cùng kỳ năm trước. Chi sự nghiệp thể dục thể thao đạt thấp là do các sự kiện thể dục thể thao tổ chức vào thời điểm cuối năm, đặc biệt cuối năm tổ chức giải đua ghe Ngo khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương:

Tổng chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu 1.067.459 triệu đồng, đạt 56,33% so với dự toán năm và bằng 118,58% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chi chương trình mục tiêu quốc gia 163.754 triệu đồng đạt 58,42% so với dự toán năm và bằng 177,32% so với cùng kỳ năm trước; chi các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư 303.375 triệu đồng, đạt 37,2% so với dự toán năm và bằng 62,04% so với cùng kỳ năm trước nguyên nhân là do các dự án khởi công mới đang triển khai các thủ tục lập hồ sơ Thiết kế, dự toán, lựa chọn nhà thầu nên tỷ lệ giải ngân đạt thấp, công tác giải phóng mặt bằng tại một số dự án còn gặp khó khăn, tiếp tục kéo dài thời gian chi trả đền bù so với thời gian dự kiến.

(Chi tiết theo Biểu số 61/CK-NSNN đính kèm)

Trên đây là thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Sóc Trăng 9 tháng đầu năm 2019./.

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2019

(Kèm theo Công văn số /STC-NS, ngày / /2019 của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng	So sánh ước thực hiện với	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	3.000.000	5.361.988	178,73	178,53
I	Thu cân đối NSNN	3.000.000	3.230.574	107,69	107,56
1	Thu nội địa	2.950.000	3.138.766	106,40	129,40
2	Thu từ dầu thô	0	0		
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	50.000	91.808	183,62	15,89
4	Thu viện trợ	0	0		
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		2.131.414		99,51
B	TỔNG CHI NSDP	9.877.361	7.344.696	74,36	107,26
I	Chi cân đối NSDP	7.982.312	6.277.237	78,64	105,55
1	Chi đầu tư phát triển	1.795.340	1.940.951	108,11	106,60
2	Chi thường xuyên	6.024.339	4.285.534	71,14	104,46
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	2.600	0	0,00	0,00
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100,00	100,00
5	Dự phòng ngân sách	159.033	49.752	31,28	216,31
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	1.895.049	1.067.459	56,33	118,58
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	30.500			
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	11.600	11.632	100,28	

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2019

(Kèm theo Công văn số /STC-NS, ngày / /2019 của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	3.000.000	3.230.574	107,69	107,56
I	Thu nội địa	2.950.000	3.138.766	106,40	129,40
1	Thu từ khu vực DNNN	171.000	139.316	81,47	117,43
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.000	3.998	399,80	6,23
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	875.000	907.411	103,70	127,68
4	Thuế thu nhập cá nhân	295.000	260.157	88,19	121,98
5	Thuế bảo vệ môi trường	240.000	156.126	65,05	138,71
6	Lệ phí trước bạ	150.000	140.133	93,42	131,53
7	Thu phí, lệ phí	75.000	51.593	68,79	114,83
8	Các khoản thu về nhà, đất	118.000	438.686	371,77	312,52
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>				
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	3.000	3.491	116,37	109,09
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	90.000	292.435	324,93	253,84
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	25.000	142.746	570,98	657,60
-	<i>Tiền cho thuê nhà và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>		14		5,38
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		2.644		2.240,68
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước		3.351		
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	900.000	959.095	106,57	124,73
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		5.078		93,53
13	Thu khác ngân sách	125.000	71.179	56,94	50,86
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	50.000	91.808	183,62	15,89
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	41.200	72.903	176,95	15,27
2	Thuế xuất khẩu				
3	Thuế nhập khẩu	8.800	18.803	213,67	18,76
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu				
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu		96		58,90
6	Thu khác		6		5,50
IV	Thu viện trợ				
B	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	2.714.961	2.985.596	109,97	129,74
1	Từ các khoản thu phân chia	2.052.200	1.359.004	66,22	119,09
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	662.761	1.626.592	245,43	140,21

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2019

(Kèm theo Công văn số /STC-NS, ngày / /2019 của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP	9.877.361	7.344.696	74,36	107,26
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	7.982.312	6.277.237	78,64	105,55
I	Chi đầu tư phát triển	1.795.340	1.940.951	108,11	106,60
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.759.340	1.940.951	110,32	109,20
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác	36.000		0,00	0,00
II	Chi thường xuyên	6.024.339	4.285.534	71,14	104,46
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.648.854	2.037.392	76,92	107,79
2	Chi khoa học và công nghệ	27.510	6.544	23,79	103,74
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	706.475	821.770	116,32	134,68
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	50.593	29.792	58,89	101,94
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	16.783	16.252	96,84	170,12
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	18.235	11.958	65,58	77,75
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	93.424	73.065	78,21	227,92
8	Chi sự nghiệp kinh tế	644.079	527.387	81,88	103,79
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.273.690	970.833	76,22	106,11
10	Chi bảo đảm xã hội	217.190	201.935	92,98	108,40
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	2.600		0,00	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100,00	100,00
V	Dự phòng ngân sách	159.033	49.752	31,28	216,31
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	1.895.049	1.067.459	56,33	118,58
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	280.311	163.754	58,42	177,32
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	815.631	303.375	37,20	62,04
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	799.107	600.330	75,13	188,28